

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và
Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 29-KH/ĐU ngày 20/10/2025 của Đảng ủy đặc khu thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, trên địa bàn Phú Quốc, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Những năm qua, các cấp, các ngành trên địa bàn Phú Quốc đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Phú Quốc (nay là đặc khu Phú Quốc). Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nhiều chuyển biến tích cực, gắn kết chặt chẽ với sản xuất và đời sống, được ứng dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cũng như phục vụ công tác quản lý ở các ngành, lĩnh vực. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo hộ tài sản trí tuệ ngày càng được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả. Công tác chuyển đổi số được quan tâm, đạt nhiều kết quả tích cực.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Phú Quốc vẫn còn những hạn chế, bất cập. Tốc độ và mức độ bứt phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đặc khu chưa cao; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá; cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ chưa hỗ trợ nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn; hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại còn hạn chế, chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ; chuyển đổi số, cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới.

Nguyên nhân là do nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung; nguồn lực của đặc khu đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt là ở các doanh nghiệp, việc đầu tư cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chưa được quan tâm đúng mức.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 71/NQ-CP; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh và Kế hoạch của Đảng ủy đặc khu Phú Quốc về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Yêu cầu

Xây dựng và ban hành Kế hoạch phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Nghị quyết số 71/NQ-CP; Chương trình của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch của Đảng ủy đặc khu, trong đó phân công rõ trách nhiệm chủ trì và phối hợp cho các đơn vị nhằm phát huy hiệu quả vai trò của các ngành trong quá trình triển khai.

Các phòng, ban, ngành đặc khu trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, linh hoạt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đã xác định và phân công tại Kế hoạch này với tinh thần “thông suốt tư tưởng, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm”; chú trọng phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần “5 rõ, 3 dám”¹. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan; lấy nhà khoa học và doanh nghiệp làm trung tâm trong việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Trong quá trình triển khai thực hiện cần tăng cường công tác phối hợp, lồng ghép các nội dung nhiệm vụ của địa phương, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu.

¹ 5 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”; 03 dám “dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung”.

III. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao so với quy định chung dành cho cấp xã; phấn đấu tiếp cận nhanh các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao trình độ công nghệ các lĩnh vực sản xuất chủ yếu, trong đó trình độ công nghệ các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực đạt mức trung bình khá so với cả tỉnh.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80 %; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp; Tăng cường các nền tảng số trong y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực thiết yếu.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%; Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Bố trí kinh phí trong tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng dần theo yêu cầu phát triển (hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh và theo khả năng cân đối từ nguồn ngân sách địa phương và từ các nguồn hợp pháp khác). Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 8 người/vạn dân.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; chủ động khai thác, phát triển, ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, nano, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới; đạt tỷ lệ 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s. Phủ sóng 5G toàn đặc khu.

- Phấn đấu hoàn thành xây dựng Phú Quốc trở thành đô thị thông minh.

- Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn đặc khu, hoàn thành cơ bản các mục tiêu Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức trung bình cao trong các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vững chắc, góp phần đưa Phú Quốc trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo vùng biển đảo, đi đầu cả nước về du lịch số, chính quyền số và xã hội số; là hạt nhân tăng trưởng của tỉnh An Giang và vùng Tây Nam Bộ.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động của cán bộ, công chức, viên chức về vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đổi

với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng - an ninh; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của đơn vị, lấy kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí, thước đo đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý.

b) Tổ chức triển khai các hoạt động quán triệt thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch của Đảng ủy đặc khu theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội, các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Triển khai các hoạt động tổ chức phổ biến kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số đến từng người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ bình dân học vụ số.

c) Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

d) Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

đ) Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

e) Triển khai các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đồng thời, triển khai các cơ chế chính sách đặc thù thu hút người có năng lực tham gia thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Phân đầu 100% cán bộ, công chức được đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tập trung chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đội ngũ nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện tham gia học tập trên nền tảng đào tạo trực tuyến do Bộ, ngành Trung ương, Sở ngành cấp tỉnh mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân và doanh nghiệp. Phối hợp giới thiệu các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đào tạo chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, kiến thức về năng suất chất lượng và đo lường.

h) Hưởng ứng phong trào thi đua khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số do Trung ương và tỉnh phát động. Kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

i) Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

2. Xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Thường xuyên rà soát để kịp thời phát hiện, tham mưu tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao. Vận dụng các cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của đặc khu.

b) Áp dụng chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

c) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đổi mới phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nhân lực.

d) Phối hợp, rà soát công bố mức độ hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp trên địa bàn. Triển khai danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

e) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tham gia có hiệu quả các Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Triển khai các chương trình, đề án trọng điểm, phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, tiềm năng của Phú Quốc.

b) Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm được đầu tư trên địa bàn đặc khu.

c) Tham gia triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, dữ liệu kết nối, chia sẻ và khai thác phù hợp để tạo ra giá trị (cơ sở dữ liệu đất đai, du lịch, y tế, dân cư, doanh nghiệp...).

d) Triển khai danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; thực hiện bộ tiêu chí đánh giá theo hướng dẫn của tỉnh; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

e) Phối hợp với các Sở ngành và các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng và triển khai Đề án Đô thị thông minh; Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện đặc khu Phú Quốc.

g) Phối hợp xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số gồm phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn đặc khu.

h) Tham gia triển khai thí điểm bản sao số để quản lý và phát triển.

i) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

k) Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

l) Tham gia triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như: sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng IoT để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh².

² Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 22/7/20219 của UBND tỉnh Kiên Giang về thành lập cụm Công nghiệp Hàm Ninh Phú Quốc và Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang cũ (nay là tỉnh An Giang) về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1581/QĐ-UBND 22/7/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Cụm Công nghiệp Hàm Ninh, Phú Quốc

m) Thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Nhà nước để đáp ứng khả năng cung cấp dịch vụ số cho người dân theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển giáo dục SREM trong nhà trường.

b) Tham gia thực hiện các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của đặc khu.

c) Đề cử nhân lực tham gia triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

d) Thực hiện các cơ chế, chính sách về xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

đ) Ưu tiên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo sau đại học, đào tạo lại bằng nguồn ngân sách nhà nước, học bổng, các quỹ xã hội hóa đối với một số chuyên ngành chuyên sâu, trình độ công nghệ cao và các chuyên ngành theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị nhằm tạo nguồn nhân lực kế thừa, đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát huy tình thần chủ động học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng trong đội ngũ nguồn nhân lực công, nhất là lực lượng cán bộ chủ chốt, cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch các chức năng lãnh đạo, quản lý.

e) Tham gia các Chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp. Thông qua tổ Công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nhân lực chuyển đổi số, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tham gia xây dựng các khóa học trực tuyến để người dân và doanh nghiệp có thể tự học tập nâng cao kỹ năng số.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Triển khai Chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính, phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực cho chuyển đổi số; Giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; thực

hiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn theo hướng dẫn của tỉnh; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

b) Tham gia triển khai, đổi mới toàn diện giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

c) Triển khai các nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

đ) Triển khai đấu tranh phòng chống tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

e) Triển khai, liên thông các dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, đặc khu và phục vụ người dân, doanh nghiệp (sức khỏe điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại, kết quả xét nghiệm; thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế,...).

g) Đẩy mạnh số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Thực hiện rà soát, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu sản phẩm, quản trị doanh nghiệp. Triển khai các Chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

b) Công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.

c) Công bố danh mục bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn đặc khu tham gia giải quyết.

d) Triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

đ) Triển khai chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Thiết lập mạng lưới liên kết giữa các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật khởi nghiệp để triển khai và hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn đặc khu.

b) Tham gia các đoàn công tác, khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh đi đầu về khoa học, công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các thành tựu, các mô hình thành công, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đặc khu.

c) Cử cán bộ tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Phối hợp với các cơ sở đào tạo uy tín để đào tạo nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin.

(Nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này cân đối từ các nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Theo chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị dự toán, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Kế hoạch đề ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này các cơ quan, ban, ngành đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành đặc khu tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng quý (*trước ngày 5 của tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 10/6*) và hàng năm (*trước ngày 10/11*), báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ này về UBND đặc khu (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp báo cáo về UBND tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặc khu và các tổ chức chính trị - xã hội đặc khu: phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn đặc khu, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và

đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm: theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, ngành đặc khu triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ hoặc đột xuất tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu, các cơ quan liên quan theo quy định.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch đặc khu chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, ban, ngành đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu bố trí chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

6. Các phòng, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao chủ trì theo Kế hoạch này.

7. Các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn đặc khu phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các cơ quan, ban ngành đặc khu đẩy mạnh phát triển hạ tầng số; phát triển, cung cấp và triển khai các giải pháp công nghệ số phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn đặc khu.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 15/8/2025 của UBND đặc khu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Các nội dung thực hiện theo Kế hoạch số 28/KH-UBND tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, ban, ngành đặc khu chủ động đề xuất gửi Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu tổng hợp và báo cáo UBND đặc khu xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh An Giang (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- TT. Đảng ủy đặc khu;
- TT. HĐND đặc khu;
- UBMTTQVN đặc khu;
- Chủ tịch và các PCT UBND đặc khu;
- Các phòng, ban, ngành đặc khu;
- LĐVP, đ/c Sĩ;
- Lưu: VT, PVHXXH (ptmnga) (02).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Loan